TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 571/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1995;
Hộ khẩu thường trú: Số 419 đường Đ, Phường 3, thành phố V, tỉnh V;
Địa chỉ: Số 240/41/10/2 đường C, phường N, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Đức T, sinh năm 1995;
Hộ khẩu thường trú: Xã L, huyện G, tỉnh H;
Địa chỉ: Số 189A14 đường H, Phường 10, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Phương T trình bày:

Bà và ông Lê Đức T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Vũng Tàu vào ngày 31-03-2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ông T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, khi bà khuyên can ông T còn có hành vi đánh bà. Ngoài ra, khi biết bà có bầu con gái thì ông T càng không quan tâm đến bà và có thái độ không tốt với gia đình bà. Cuối năm 2017 bà đã từng nộp đơn ly hôn với ông T nhưng sau đó bà đã rút đơn vì lúc đó bà đang mang thai nên bà nghĩ thương con và bà cũng muốn cho ông T một

cơ hội để sửa đổi, để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng sau khi bà rút đơn về thì ông T không chịu thay đổi, vẫn tính nào tật nấy, khi con được 01 tháng tuổi ông T còn đi chơi qua đêm không về khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Từ tháng 4-2018 bà và ông T đã sống ly thân với nhau đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Đức T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 (một) con chung là Lê Khánh N, sinh ngày 18-3-2018. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh N và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Đức T trình bày:

Ông T xác định về điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như bà T đã trình bày. Sau khi sống chung thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhưng ông cho rằng những mâu thuẫn này chưa đến mức phải dẫn đến ly hôn. Do bà T hiểu nhầm ông chứ ông không hề có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Ông xác định trước đây ông có nhiều lỗi lầm với bà T nhưng ông đã thay đổi, nhiều lần bạn bè gọi ông đi nhậu ông đã từ chối. Có một hôm sinh nhật do ông nhậu xỉn quá nên ông không về nhà ngủ mà ngủ ở nhà chú vì ông sợ con còn nhỏ về nhà sẽ ảnh hưởng đến giấc ngủ của con. Ông cho rằng hiện tại ông vẫn còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông T xác định ông bà có 01 (một) con chung là Lê Khánh N, sinh ngày 18-3-2018. Trong trường hợp tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Khánh N. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn gia đình giữa bà T và ông T là trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung: Bà T và ông T có 01 (một) con chung là Lê Khánh N, sinh ngày 18-3-2018. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T được quyền nuôi dưỡng con chung là Lê Khánh N, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thị Phương T yêu cầu ly hôn với ông Lê Đức T có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[2]. Về nội dung:

Bà Trần Thị Phương T và ông Lê Đức T tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T thì thấy: Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, khi bà khuyên can ông T còn có hành vi đánh bà. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 4-2018 đến nay.

Theo xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn chủ yếu giữa bà T và ông T là do bà T sinh con gái trong khi ông T muốn có con trai đầu lòng. Vì vậy hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ với nhau về vấn đề này. Ngoài ra, ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, có thái độ không tôn trọng gia đình bà T. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải cho hai vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà T và ông T đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2017 đến nay, bà T thì sống ở nhà mẹ đẻ còn ông T thì sống ở nhà chú.

Ông T trình bày ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương yêu vợ, con. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T và ông T đến Tòa làm việc để có thể tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T có đến tòa làm việc nhưng không ký vào biên bản mà tự ý bỏ về. Điều đó thể hiện ông T đã không thực sự có ý thức hàn gắn tình cảm vợ chồng và duy trì hôn nhân đối với bà T.

Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng đối với ông T, hai bên đã sống ly thân từ tháng 4-2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà và ông T không còn sự hỏi thăm, quan tâm chăm sóc đến cuộc sống riêng của nhau.

Tại phiên tòa, ông T xác định vẫn còn thương yêu vợ, con nên không đồng ý ly hôn với bà T. Ông đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp

Về con chung: Bà Trần Thị Phương T và ông Lê Đức T có 01 (một) con chung là Lê Khánh N, sinh ngày 18-3-2018. Bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng. Ông T đồng ý nhường quyền cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi nên việc giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Phương T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Ông Lê Đức T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình ; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương T đối với ông Lê Đức T.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Phương T ly hôn với ông Lê Đức T

2. Về con chung: Bà T và ông T có 01 (một) con chung là Lê Khánh N, sinh ngày 18-3-2018. Bà Trần Thị Phương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Khánh N.

Ông Lê Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Phương T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002468 ngày 13-6-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Lê Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi con tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND Phường 3, Tp. Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Dương Thị Hương